TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2019/HS-PT
Ngày: 08-7-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tỉnh

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Ông Tôn Văn Thông

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Yến Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Ông Đặng Hữu Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 40/2019/TLPT-HS ngày 24 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo Lưu Văn T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 06/2019/HS-ST ngày 16 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Bị cáo có kháng cáo:

Lưu Văn T, sinh năm 1982 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: số 78/4 ấp TL, xã BT, huyện TP, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu Văn B và bà Nguyễn Thị C; tiền án: có 04 tiền án: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2007/HSST ngày 01/02/2007 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre đã xử phạt 01 năm tù về "Tội trộm cắp tài sản"; Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2008/HSST ngày 24/9/2008 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre đã xử phạt 01 năm 06 tháng tù về "Tội trộm cắp tài sản"; Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2010/HSST ngày 29/10/2010 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre đã xử phạt 03 năm tù về "Tội trộm cắp tài sản"; Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 201/2013/HSPT ngày 30/12/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đã xử phạt 04 năm tù về "Tội trộm cắp tài sản"; tiền sự: không; Bị tạm giữ từ ngày 17/11/2018 và chuyển tạm giam cho đến nay; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào đêm ngày 16/11/2018, Lưu Văn T sau khi uống rượu tại nhà anh Lê Văn Đạo (ấp TL, xã BT, huyện TP, tỉnh Bến Tre), T nảy sinh ý định đi tìm tài sản để trộm bán lấy tiền tiêu xài. Đến khoảng 00 giờ 30 phút ngày 17/11/2018, T đi bộ từ nhà anh Đạo đến nhà vợ chồng anh Nguyễn Phúc D và chị Thân Thị Th tại ấp TL, xã BT, huyện TP, tỉnh Bến Tre. T mở cửa sau và đột nhập vào bên trong nhà thì thấy trên đầu tủ phòng ngủ có một bóp da bên trong có 200.000 đồng tiền Việt Nam nên lấy tiền bỏ vào túi quần. Sau đó, T tiếp tục lấy một điện thoại di động hiệu Samsung J3, có ốp lưng bằng nhựa, không màu, bên trong điện thoại có 01 thẻ nhớ 8Gb, 01 sim mạng Viettel số 0335724484 và 01 sim mạng Vinaphone số 0857555341 được để trên nền gạch nơi anh D đang ngủ thì bị anh D phát hiện truy hô nên T bỏ chạy, anh D đuổi theo nhưng không bắt được. T mang tài sản trộm được về nhà tại ấp TL, xã BT, huyện TP, tỉnh Bến Tre cất giấu cho đến khi bị Công an xã Bình Thạnh mời làm việc và T đã thừa nhận hành vi như đã nêu trên.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung J3, màu vàng, số Imei1: 358986072921032, số Imei2: 358987072921030;

- 01 (một) ốp lưng bằng nhựa, không màu;

- 01 (một) thẻ nhớ 8Gb;

- 01 (một) thẻ sim điện thoại mạng Viettel số 0335724484;

- 01 (một) thẻ sim điện thoại mạng Vinaphone số 0857555341;

- Màn hình điện thoại bị vỡ (do Lưu Văn T làm rơi điện thoại lấy trộm xuống nền nhà).

- Tiền Việt Nam 200.000 đồng.

Ngoài ra, trong quá trình khám nghiệm hiện trường Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thạnh Phú còn thu giữ 01 ống tuýp sắt dài 0,77m và 01 đôi dép quai kẹp màu đen.

Tại bản kết luận giám định tài sản số 57/KL-HĐĐG ngày 19/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Thạnh Phú xác định điện thoại di động nêu trên có tỷ lệ còn lại thực tế là 60%, giá trị là 1.800.000; sim (mạng Vinaphone) số 0857555341 có giá trị 30.000 đồng; sim (mạng Viettel) số 0335724484 có giá trị 35.000 đồng; ốp lưng có giá trị 30.000 đồng. Tổng giá trị tài sản qua định giá là 1.895.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thạnh Phú đã trao trả 200.000 đồng và ống tuýp sắt đã tạm giữ nêu trên cho anh Nguyễn Phúc D; trả cho Lưu Văn T một đôi dép kẹp màu đen và một điện thoại Samsung nói trên do Lưu Văn T đã bồi thường 1.895.000 đồng (giá trị điện thoại).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2019/HS-ST ngày 16-4-2019 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Lưu Văn T phạm "Tội trộm cắp tài sản".

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm b, h, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lưu Văn T 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn

tù tính từ ngày 17/11/2018. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về phần trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 26/4/2019, bị cáo Lưu Văn T kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt tù.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung Bản án sơ thẩm và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và tuyên bố bị cáo Lưu Văn T phạm "Tội trộm cắp tài sản" là đúng người đúng tội và xử phạt bị cáo 04 năm 06 tháng tù. Xét kháng cáo của bị cáo tại cấp phúc thẩm bị cáo không có thêm tình tiết giảm nhẹ mới, không có cơ sở giảm nhẹ hình phạt tù cho bị cáo nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 06/2019/HS-ST ngày 16-4-2019 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre; Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm b, h, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Lưu Văn T 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù về "Tội trộm cắp tài sản". Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Lời nói sau cùng bị cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định. Vào khoảng 00 giờ 30 phút ngày 17/11/2018, Lưu Văn T vào nhà anh Nguyễn Phúc D và chị Thân Thị Th tại ấp TL, xã BT, huyện TP, tỉnh Bến Tre thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt 200.000 đồng trong bóp da và một điện thoại di động hiệu Samsung J3, có ốp lưng bằng nhựa, không màu, bên trong điện thoại có 01 thẻ nhớ 8Gb, 01 sim mạng Viettel số 0335724484 và 01 sim mạng Vinaphone số 0857555341, trị giá 1.895.000 đồng. Như vậy, tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt của anh Nguyễn Phúc D là 2.095.000 đồng.

Về nhân thân, bị cáo có nhiều tiền án xác định là tái phạm nguy hiểm chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội.

[2] Với ý thức, hành vi, giá trị tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt và nhân thân của bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Lưu Văn T phạm "Tội trộm cắp tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) với tình tiết định khung tăng nặng "Tái phạm nguy hiểm" là có căn cứ đúng quy định pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo, thấy rằng, khi áp dụng hình phạt tù Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: bị cáo không có tình tiết tăng nặng; về tình tiết giảm nhẹ: Tài sản chiếm đoạt có giá trị không lớn, tài sản đã được trả lại và bồi thường cho bị hại, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo các điểm b, h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo cho rằng tài sản bị cáo trộm được ít và đã bồi thường xong cho bị hại để yêu cầu xem xét giảm hình phạt tù. Xét mức hình phạt tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo, thấy rằng, tài sản bị cáo chiếm đoạt chỉ hơn

mức khởi điểm về định lượng cơ bản một ít và bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 04 năm 06 tháng tù là nghiêm khắc đối với bị cáo, nên cần giảm một phần hình phạt cho bị cáo cũng đủ cải tạo giáo dục bị cáo. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm.

Quan điểm của Kiểm sát viên không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[4] Về án phí, bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa Bản án sơ thẩm số 06/2019/HS-ST ngày 16-4-2019 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre;

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm b, h, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo LƯU VĂN T 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù . Thời hạn tù được tính từ ngày 17/11/2018;

[2] Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bị cáo Lưu Văn T không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Vụ GĐKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú (3b);
- Công an và VKSND huyện Thạnh Phú (2b)
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND xã Bình Thạnh, huyện Thạnh Phú (1b);
- Bị cáo (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Văn Tỉnh